

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH GÓP PHẦN THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI

★ TS TRẦN THỊ THÁI

Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

- **Tóm tắt:** Phát triển hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới đem lại lợi ích cho giai cấp nông dân - giai cấp chiếm số đông trong xã hội nhằm tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển nông nghiệp - nông dân - nông thôn, xây dựng nông thôn mới là xu thế tất yếu trong bối cảnh kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Từ lý luận, qua trải nghiệm thực tiễn trong quá trình triển khai một số công trình nghiên cứu về hợp tác xã, tác giả bài viết đề xuất một số kiến nghị nhằm phát triển bền vững hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới hiện nay.
- **Từ khóa:** Hợp tác xã; hợp tác xã kiểu mới; hợp tác xã nông nghiệp; đào tạo; bồi dưỡng về kinh tế tập thể; phát huy, sửa đổi, bổ sung Luật Hợp tác xã năm 2012.

1. Thực trạng hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay

Mô hình hợp tác xã được hình thành cách đây khoảng 200 năm ở châu Âu và từ đó phát triển ở hầu khắp các nước trên thế giới. Hợp tác xã là thành quả của nền văn minh nhân loại, được khởi nguồn và xuất phát từ mong muốn, ước mơ về một xã hội dân chủ, công bằng, một cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho con người. Theo V.I.Lênin “bản chất chung của hợp tác xã là sự hợp tác của những người sản xuất nhỏ, đặc biệt là nông dân trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội. Chế độ hợp tác xã là tất yếu khách quan của quá trình chuyển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa”⁽¹⁾.

Ở nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đầu tiên đưa tư tưởng hợp tác xã vào Việt Nam. Ngay sau khi cách mạng tháng Tám thành công, ngày 11/4/1946, Bác đã viết thư kêu gọi điền chủ, nông gia Việt Nam tham gia hợp tác xã nông nghiệp. Lời kêu gọi của Bác được Báo Cứu quốc đăng trên số 229, ngày 01/5/1946. Đáp ứng lời kêu gọi của Người, ngày 08/3/1948; hợp tác xã đầu tiên là hợp tác xã Thủy tinh Dân chủ, tại chiến khu Việt Bắc được thành lập. Sự ra đời của hợp tác xã Thủy tinh Dân chủ mở đầu cho sự ra đời và phát triển của phong trào hợp tác xã ở nước ta.

Hơn 75 năm xây dựng và trưởng thành, mô hình hợp tác xã đã trải qua nhiều lần cải tiến về tổ chức, quản lý để thích ứng với từng giai đoạn lịch

sử của đất nước. Từ mô hình hợp tác xã bậc thấp tiến lên mô hình hợp tác xã bậc cao những năm 1955 - 1980 đến mô hình hợp tác xã theo tinh thần Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư năm 1981, Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị năm 1988, Luật Hợp tác xã năm 1996, Luật Hợp tác xã năm 2003, Luật Hợp tác xã năm 2012.

Sau 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) ngày 18/3/2022 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, khu vực kinh tế tập thể nước ta đã có những chuyển biến tích cực. Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ngày 16/6/2022 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới đã tổng kết 5 thành tựu cơ bản của kinh tế tập thể mà nông cốt là hợp tác xã nông nghiệp hiện nay⁽²⁾:

Một là, “nhận thức về phát triển kinh tế tập thể, mà trọng tâm là hợp tác xã trong hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân được nâng lên”.

Hai là, “chính sách, pháp luật về kinh tế tập thể, hợp tác xã được quan tâm xây dựng, hoàn thiện phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Hợp tác xã đã cơ bản hoàn thành việc chuyển đổi sang mô hình kiểu mới theo quy định của pháp luật”.

Ba là, “số lượng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập mới tăng đáng kể, phát triển đa dạng hơn về ngành nghề, quy mô và trình độ, hỗ trợ tốt hơn cho các thành viên, tạo việc làm và nâng cao thu nhập thường xuyên cho người lao động”.

Trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, hiện cả nước có khoảng 18.340 hợp tác xã nông nghiệp (chiếm gần 70% tổng số hợp tác xã trong tất cả các lĩnh vực của cả nước), thu hút gần 3,4 triệu nông dân tham gia thành viên hợp tác xã nông nghiệp⁽³⁾. Sự phát triển hợp tác xã nông nghiệp ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững và tái cơ cấu lại ngành nông

ng nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng ở nước ta.

Bốn là, “liên kết giữa các hợp tác xã với nhau, với doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác bước đầu phát triển”⁽⁴⁾. Năm 2021, cả nước có 6112 hợp tác xã nông nghiệp có liên kết tiêu thụ sản phẩm cho thành viên, chiếm 34,38% tổng số hợp tác xã nông nghiệp⁽⁵⁾.

Năm là, “khu vực kinh tế tập thể cơ bản đã khắc phục được tình trạng yếu kém kéo dài, góp phần xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an sinh, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, từng bước khẳng định vị trí, vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân”⁽⁶⁾.

Tuy nhiên, khu vực kinh tế tập thể nói chung, hợp tác xã nông nghiệp của nước ta đến nay chưa phát triển như mục tiêu Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX đề ra. Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ngày 16/6/2022 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới đã tổng kết 5 hạn chế cơ bản của kinh tế tập thể mà nông cốt là hợp tác xã nông nghiệp hiện nay⁽⁷⁾:

Một là, “đổi mới và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể còn nhiều khó khăn. Tốc độ tăng trưởng, tỉ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tập thể vào GDP còn thấp và có xu hướng giảm”.

Hai là, “hợp tác xã phát triển không đồng đều giữa các địa phương, vùng, miền, giữa khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp”.

Ba là, “số lượng hợp tác xã tuy tăng, nhưng số lượng thành viên bình quân trong hợp tác xã có xu hướng giảm; không ít thành viên tham gia hoạt động của hợp tác xã còn hình thức, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ trong hợp tác xã. Năng lực nội tại của hợp tác xã còn yếu, hiệu quả hoạt động chưa cao, mô hình tổ chức lỏng lẻo, chưa phù hợp, trình độ cán bộ quản lý hợp tác xã còn hạn chế”.

Bốn là, “phần lớn hợp tác xã, tổ hợp tác có quy mô nhỏ, vốn ít, phạm vi hoạt động hẹp, năng lực

cạnh tranh, lợi ích mang lại cho thành viên thấp; tính liên kết trong nội bộ hợp tác xã còn rất yếu; vấn đề nợ của hợp tác xã, tình trạng chiếm dụng vốn chưa được xử lý dứt điểm”.

Năm là, “các hoạt động liên doanh, liên kết giữa các hợp tác xã và giữa hợp tác xã với các tổ chức kinh tế khác chưa phổ biến. Số lượng liên hiệp hợp tác xã ít; tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác thiếu ổn định; nhiều hợp tác xã chuyển đổi, tổ chức lại mang tính hình thức, chưa thực sự chuyển biến về chất”.

2. Một số giải pháp chính sách đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới

Hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam hiện nay là hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012. Các hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2003 được chuyển đổi hoạt động theo các quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012. Bên cạnh đó là những hợp tác xã thành lập mới sau năm 2012 đăng ký hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012. Hiện nay, Quốc hội đang soạn thảo Luật Hợp tác xã sửa đổi nhằm phát huy, bổ sung, điều chỉnh Luật Hợp tác xã năm 2012.

Phát triển bền vững được phổ biến rộng rãi vào năm 1987 theo Báo cáo Brundtland (còn gọi là Báo cáo Our Common Future) của Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển - WCED (nay là Ủy ban Brundtland). Theo đó, phát triển bền vững là *sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai*. Nói cách khác, phát triển bền vững phải bảo đảm có sự phát triển kinh tế hiệu quả, xã hội công bằng và môi trường được bảo vệ, gìn giữ.

Phát triển bền vững hợp tác xã nông nghiệp như vậy sẽ tương ứng với khái niệm hợp tác xã được phát triển một cách cân đối cả về kinh tế, bảo đảm công bằng xã hội và môi trường trong hiện tại và duy trì được tính ổn định để không làm ảnh hưởng

đến các lợi ích có liên quan đến hợp tác xã trong tương lai.

Từ lý luận, qua trải nghiệm thực tiễn trong quá trình triển khai một số công trình nghiên cứu về hợp tác xã, tác giả kiến nghị một số giải pháp nhằm phát triển bền vững hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới hiện nay.

Một là, đưa nội dung kinh tế tập thể, hợp tác xã vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị trong hệ thống Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các trường chính trị tỉnh, thành phố, trung tâm chính trị huyện.

Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) “Về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới” đã nêu nhiều quan điểm, nhiệm vụ rất quan trọng về kinh tế tập thể, trong đó khẳng định: “Kinh tế tập thể là thành phần kinh tế quan trọng, phải được củng cố và phát triển cùng kinh tế nhà nước trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tập thể là xu thế tất yếu trong bối cảnh hội nhập quốc tế, phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”⁽⁸⁾.

Tuy nhiên, việc phát triển hợp tác xã vẫn còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế, chưa phát huy tốt vai trò của hợp tác xã trong phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn, gây ảnh hưởng tới kết quả xây dựng nông thôn mới trong những năm qua. Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “Về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới” đã đề cập 5 điểm hạn chế tồn tại trong khu vực kinh tế tập thể nói chung, hợp tác xã nông nghiệp nói riêng như đã phân tích ở trên.

Kết quả điều tra khảo sát của Đề tài cấp Nhà nước “Nghiên cứu đề xuất giải pháp thúc đẩy chuyển đổi hình thức tổ chức và phương thức hoạt

động của hợp tác xã nông nghiệp để thực hiện hiệu quả Luật Hợp tác xã 2012” do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì (2017) đã chỉ ra: Một trong những nguyên nhân khách quan dẫn đến những hạn chế, yếu kém trên là do nhận thức của cán bộ, đảng viên, chưa hiểu biết đầy đủ thống nhất về hợp tác xã; chưa nhận thức rõ về mô hình, phương thức chỉ đạo, hỗ trợ xây dựng và phát triển kinh tế tập thể; chưa nhận thức đúng đắn về vai trò của đội ngũ mình trong phát triển kinh tế tập thể. Đề tài cũng khẳng định: “Hạn chế trong lãnh đạo, chỉ đạo của Nhà nước, các cấp chính quyền địa phương là một trong các nguyên nhân cơ bản nhất ảnh hưởng tiêu cực tới tiến độ và chất lượng chuyển đổi hợp tác xã nông nghiệp theo Luật Hợp tác xã 2012”⁽⁹⁾.

Năm 2021, Dự án cấp Nhà nước về “Xây dựng mô hình tổ chức hợp tác xã kiểu mới theo hướng phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025” tiếp tục khẳng định một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến hạn chế phát triển của hợp tác xã là do: sự chỉ đạo của các địa phương chưa thực sự quyết liệt, tích cực và cụ thể, năng lực cán bộ quản lý nhà nước hỗ trợ hợp tác xã còn yếu. Sự hỗ trợ của chính quyền địa phương các cấp, việc giám sát, kiểm tra trong việc thực hiện Luật Hợp tác xã chưa được các cơ quan chức năng quản lý nhà nước quan tâm thường xuyên và xử lý sai phạm chưa kiên quyết. Ở cấp chính quyền cơ sở, nhiều địa phương nhận thức chưa đúng về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với hợp tác xã, xem hợp tác xã là tổ chức chính trị chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã. Nghiên cứu sâu 27 hợp tác xã hoạt động chưa hiệu quả cho biết ảnh hưởng của các cơ quan địa phương đến thực hiện mô hình hoạt động theo Luật là chưa tích cực⁽¹⁰⁾.

Năm 2022, Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) cũng đã

chỉ rõ: “Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém nêu trên chủ yếu là do nhận thức của nhiều cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về bản chất, vị trí, vai trò của kinh tế tập thể trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa đầy đủ, thiếu thống nhất, còn bị chi phối, ảnh hưởng bởi định kiến về mô hình hợp tác xã thời kỳ bao cấp; hoài nghi về sự thành công của kinh tế tập thể. Việc lãnh đạo, chỉ đạo của nhiều cấp ủy đảng, chính quyền còn hình thức, chưa thực sự quan tâm, thiếu quyết liệt. Công tác hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết hiệu quả chưa cao”⁽¹¹⁾. Theo đó, “phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị. Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên” và “đưa nội dung kinh tế tập thể giảng dạy chính thức trong chương trình đào tạo lý luận chính trị, bồi dưỡng quản lý nhà nước cho cán bộ, đảng viên”⁽¹²⁾.

Sự nghiệp xây dựng nông thôn mới của Đảng và Nhà nước không thể thành công nếu thiếu vai trò của kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn. Vì vậy, phát triển kinh tế tập thể mà nòng cốt là hợp tác xã nông nghiệp là một trong các tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Để kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn phát triển, cần phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ, đảng viên lãnh đạo phát triển kinh tế địa phương. Đội ngũ cán bộ, đảng viên cấp cơ sở phải được trang bị những nhận thức đúng đắn về vai trò, bản chất, cách thức xây dựng mô hình và phát triển kinh tế tập thể trong nông thôn mà nòng cốt là hợp tác xã nông nghiệp. Đội ngũ cán bộ, đảng viên cấp cơ sở phải ý thức được sứ mệnh lịch sử vai trò của đội ngũ mình trong công cuộc phát triển hợp tác xã giúp đỡ nông dân làm ăn phát triển.

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các trường chính trị tỉnh, trung tâm chính trị huyện là

trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt, trung, cao cấp của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong cả nước. Vì vậy, để nâng cao nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ đảng viên cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn) về vai trò của đội ngũ mình, về mô hình kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn phù hợp với định hướng chiến lược phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, đẩy mạnh quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phục vụ hiệu quả sự nghiệp xây dựng nông thôn mới thì cần đưa nội dung kinh tế tập thể, hợp tác xã vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị trong hệ thống Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các trường chính trị tỉnh, trung tâm chính trị huyện.

Hai là, sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Luật Hợp tác xã năm 2012 và các văn bản dưới Luật.

Nhằm khắc phục những hạn chế của Luật Hợp tác xã năm 2003, Luật Hợp tác xã năm 2012 ra đời với mục tiêu đưa hợp tác xã trở về đúng bản chất kinh tế tập thể phục vụ các thành viên trong hợp tác xã. Thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ, các hợp tác xã nông nghiệp Việt Nam đã thực hiện chuyển đổi và hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012.

Tuy nhiên, sau 10 năm thực hiện Luật, việc chuyển đổi và hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012 diễn ra chậm, chất lượng chuyển đổi thấp. Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến tiến độ các hợp tác xã nông nghiệp chuyển đổi chậm, chất lượng chuyển đổi thấp, trong đó có những nguyên nhân từ một số quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 và các văn bản dưới Luật chưa phù hợp với thực tiễn.

Sửa quy định về tỷ lệ cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho đối tượng không là thành viên của hợp tác xã.

Năm 2017, Đề tài cấp Nhà nước “Nghiên cứu đề xuất giải pháp thúc đẩy chuyển đổi hình thức tổ chức và phương thức hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp để thực hiện hiệu quả Luật Hợp tác xã 2012” đã kiến nghị sửa đổi một số quy định chưa phù hợp tại Nghị định số 193/2013/NĐ-CP về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.

Điểm a, điểm c, khoản 2, Điều 5 của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP quy định: “Tỷ lệ cung ứng, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ, việc làm mà hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cam kết cung ứng, tiêu thụ cho thành viên, hợp tác xã thành viên cho khách hàng không phải thành viên do điều lệ hợp tác xã quy định cụ thể nhưng không được vượt quá 32% tổng giá trị cung ứng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đối với lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp”⁽¹³⁾. Từ thực tiễn điều tra khảo sát, nhóm tác giả Đề tài trên đã kiến nghị: “Nghị định số 193/2013/NĐ-CP khi đưa ra quy định cụ thể tỷ lệ cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho đối tượng không là thành viên của hợp tác xã là không vượt quá 32% tổng sản phẩm dịch vụ cung ứng của hợp tác xã đã có rất nhiều ý kiến không đồng tình.

Khảo sát đối với các chức danh quản lý hợp tác xã (đặc biệt là nhóm hợp tác xã chuyển đổi chưa thành công và không chuyển đổi được) về những cản trở trong chuyển đổi theo Luật Hợp tác xã năm 2012 thì 193/342 phiếu (56,4%) trả lời là do không đáp ứng được yêu cầu tỷ lệ cung cấp dịch vụ, sản phẩm cho đối tượng thành viên ngoài hợp tác xã không được vượt quá 32% tổng giá trị sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã. Trên thực tế, các hợp tác xã đã cung cấp nhiều dịch vụ cho đối tượng không là thành viên của hợp tác xã, điển hình là các dịch vụ công như thủy lợi, điện, tín dụng, cung ứng giống lúa, vật tư phân bón, bảo quản, chế biến sản phẩm để thúc đẩy phát triển nông nghiệp trên địa bàn hợp tác xã hoạt động.

Các tỷ lệ cung ứng này đều vượt quá mức quy định 32%”⁽¹⁴⁾.

Từ kết quả tổng kết thực tiễn triển khai Luật Hợp tác xã năm 2012, Chính phủ đã ban hành Nghị định 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2012.

Điểm a, khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 107/2017/NĐ-CP quy định: “Tỷ lệ cung ứng, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ, việc làm mà hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cam kết cung ứng, tiêu thụ cho thành viên, hợp tác xã thành viên cho khách hàng không phải thành viên do điều lệ hợp tác xã quy định cụ thể nhưng không được vượt quá mức quy định như sau: không quá 50% tổng giá trị cung ứng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đối với lĩnh vực nông nghiệp và phi nông nghiệp”⁽¹⁵⁾.

Như vậy, thay vì hợp tác xã nông nghiệp không được cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng ngoài thành viên vượt quá 32% tổng giá trị sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã theo như Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 thì Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 chỉnh sửa mức quy định thành “không quá 50%”.

Tuy nhiên, Nghị định số 107/2017/NĐ-CP khi đưa ra quy định cụ thể tỷ lệ cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho đối tượng không là thành viên của hợp tác xã là không vượt quá 50% tổng sản phẩm dịch vụ cung ứng của hợp tác xã đã gây ra sự hiểu nhầm của các hợp tác xã.

Qua khảo sát điều tra cho thấy, nhiều hợp tác xã đang hiểu nhầm là hợp tác xã bị hạn chế cung cấp sản phẩm, dịch vụ ra bên ngoài và do vậy làm giảm phần nào hiệu quả sản xuất kinh doanh của hợp tác xã⁽¹⁶⁾. Phần lớn các hợp tác xã nhất là các hợp tác xã hoạt động hiệu quả bên cạnh cung cấp dịch vụ

cho thành viên hợp tác xã đã cung cấp dịch vụ cho đối tượng là thành viên ngoài hợp tác xã.

Năm 2021, kết quả điều tra khảo sát 30 hợp tác xã hoạt động hiệu quả do Dự án cấp Nhà nước về “Xây dựng mô hình tổ chức hợp tác xã kiểu mới theo hướng phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025” thực hiện cho thấy “bên cạnh phục vụ nhu cầu của thành viên, các hợp tác xã nhóm này còn cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng bên ngoài hợp tác xã. Điển hình là các dịch vụ cung cấp giống, thức ăn chăn nuôi tại địa phương. Có nhiều sản phẩm, dịch vụ cung cấp ra bên ngoài hợp tác xã vượt mức 50%, trái theo quy định của điểm a, khoản 2, Điều 1 của Nghị định số 107/2017/NĐ-CP⁽¹⁷⁾.”

Khảo sát cũng cho thấy, nhóm hợp tác xã hoạt động hiệu quả bên cạnh hoàn thành nghĩa vụ cung cấp dịch vụ cho khách hàng là thành viên hợp tác xã thì có khả năng cung cấp dịch vụ nhiều hơn cho khách hàng không phải là thành viên trong khi nhóm hợp tác xã chưa hiệu quả ít tổ chức được hoạt động này hơn⁽¹⁸⁾.

Vì vậy, cần tiếp tục sửa đổi quy định về tỷ lệ cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho đối tượng là thành viên và đối tượng không là thành viên của hợp tác xã nông nghiệp. Cụ thể: Sửa điểm a, khoản 2, Điều 1 của Nghị định số 107 theo hướng: “các hợp tác xã phải bảo đảm đáp ứng 100% nhu cầu cung ứng, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ, việc làm cho thành viên trước, sau đó có thể cung ứng cho các đối tượng không phải là thành viên hợp tác xã” hoặc “đại hội thành viên hợp tác xã bàn bạc, tự quyết định về tỷ lệ này hàng năm, phù hợp với điều kiện của từng hợp tác xã trong năm đó”.

Phần lợi nhuận hợp tác xã thu được từ việc cung ứng tiêu thụ sản phẩm dịch vụ ra thị trường phải đóng thuế theo Luật Doanh nghiệp, một phần phân chia cho các thành viên, một phần đóng góp vào tài sản không chia của hợp tác xã. Quy định

như vậy sẽ giúp hợp tác xã nông nghiệp thực hiện đúng bản chất hợp tác xã cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho thành viên vừa thúc đẩy hợp tác xã liên kết thị trường tìm kiếm cơ hội phát triển, mang lại lợi ích cho thành viên và lợi ích cho Nhà nước.

Bổ sung quy định về mối quan hệ giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị với Giám đốc hợp tác xã

Điều 27, Điều 28, Luật Hợp tác xã năm 2003 quy định: “Cho phép hợp tác xã chọn một trong hai mô hình tổ chức, gồm: một bộ máy vừa quản lý vừa điều hành: trưởng ban quản trị đồng thời là chủ nhiệm hợp tác xã hoặc thành lập riêng bộ máy quản lý: ban quản trị và bộ máy điều hành: chủ nhiệm, phó chủ nhiệm”⁽¹⁹⁾.

Điều 35 Luật Hợp tác xã năm 2012 quy định: “Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý hợp tác xã do hội nghị thành lập hoặc đại hội thành viên bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo thể thức bỏ phiếu kín”. Điều 37 quy định “Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã”⁽²⁰⁾. Như vậy, mặc dù không đề cập cụ thể đến việc hợp tác xã lựa chọn mô hình tổ chức một bộ máy hay hai bộ máy như Luật Hợp tác xã năm 2003 thì những quy định này đã khẳng định rằng: “Luật Hợp tác xã năm 2012 đã đưa ra những quy định nhằm tách bạch giữa bộ máy quản lý và bộ máy điều hành của hợp tác xã”⁽²¹⁾. Đây là một quy định tiến bộ nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch, dân chủ trong cơ cấu tổ chức bộ máy hợp tác xã, phù hợp với xu thế phát triển của mô hình hợp tác xã trên thế giới.

Tuy nhiên, thực tiễn điều tra, khảo sát của Đề tài cấp Nhà nước “Nghiên cứu đề xuất giải pháp thúc đẩy chuyển đổi hình thức tổ chức và phương thức hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp để thực hiện hiệu quả Luật Hợp tác xã 2012” thực hiện năm 2015 - 2017 chỉ ra rằng: “ý kiến từ các hợp tác xã nông nghiệp không tán đồng quy định phải tách riêng bộ máy quản lý với bộ máy điều

hành. Các hợp tác xã cho rằng quy định này gây khó khăn cho hợp tác xã, nhất là những hợp tác xã thuộc nhóm hoạt động chưa hiệu quả. Đây là những hợp tác xã có quy mô nhỏ, vốn ít. Các hợp tác xã không đủ khả năng trả lương cho hai bộ máy độc lập. Nghiên cứu điều lệ của các hợp tác xã làm ăn hiệu quả trên địa bàn các tỉnh khảo sát cho thấy con số rất ít hợp tác xã áp dụng mô hình tổ chức hai bộ máy tách biệt mà phần lớn Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm Giám đốc hợp tác xã”⁽²²⁾.

Trong những năm 2020 - 2022, Dự án cấp Nhà nước về “Xây dựng mô hình hợp tác xã kiểu mới theo hướng phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025” thực hiện điều tra, khảo sát đối với 30 hợp tác xã hoạt động hiệu quả cũng cho kết quả như sau: 23/30 hợp tác xã tương ứng với 76,67% hợp tác xã lựa chọn mô hình quản lý Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc hợp tác xã; 4/30 (13,33%) hợp tác xã lựa chọn mô hình quản lý Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc hợp tác xã. Chỉ có 3/30 (10%) hợp tác xã còn lại lựa chọn hình thức bộ máy Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm Giám đốc hợp tác xã mà thuê Giám đốc hợp tác xã điều hành sản xuất⁽²³⁾.

Cần khẳng định, Luật Hợp tác xã năm 2012 quy định hợp tác xã có sự tách bạch hai bộ máy hội đồng quản trị và giám đốc điều hành là hợp lý. Theo đó, Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị nhất thiết phải là thành viên hợp tác xã có thể thuê Giám đốc điều hành hợp tác xã. Tuy nhiên, thực tế những hợp tác xã nông nghiệp Việt Nam hiện nay quy mô còn nhỏ, chưa phát triển, rất ít hợp tác xã thực hiện 2 bộ máy quản lý và điều hành độc lập. Để tiết kiệm chi phí, phần lớn các hợp tác xã chưa đủ khả năng và chưa có nhu cầu thành lập 2 bộ máy quản lý và điều hành độc lập.

Vì vậy, để đáp ứng thực tiễn hiện nay, nên cho phép hợp tác xã nông nghiệp được thành lập một

trong hai bộ máy, song phải đưa ra những quy định mang tính chế tài nhằm khắc phục sự không minh bạch trong quản lý, điều hành của hợp tác xã nông nghiệp. Theo đó, cần sửa đổi, bổ sung Nghị định số 107/2017/NĐ-CP, quy định về mối quan hệ giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị với Giám đốc hợp tác xã theo hướng “Chủ tịch phải ký hợp đồng công việc với Giám đốc điều hành hoạt động của hợp tác xã. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc điều hành thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng công việc với Giám đốc điều hành thay Chủ tịch Hội đồng quản trị”. Quy định như vậy giúp hợp tác xã đảm bảo tính minh bạch, dân chủ đồng thời làm rõ vị trí, trách nhiệm mối quan hệ giữa bộ máy quản lý và bộ máy điều hành hợp tác xã

trong cả hai trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm và không kiêm Giám đốc điều hành hợp tác xã.

Tóm lại, thực tiễn là thước đo chân lý. Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước khi ban hành phù hợp với thực tiễn, được thực tiễn đón nhận sẽ góp phần làm thay đổi thực tiễn. Cũng từ thực tiễn, nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có sự điều chỉnh, bổ sung nhằm đáp ứng nhu cầu của thực tiễn. Ở đất nước ta hiện nay, phát triển hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới đem lại lợi ích cho giai cấp nông dân - giai cấp chiếm số đông trong xã hội nhằm tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển nông nghiệp - nông dân - nông thôn là xu thế tất yếu trong bối cảnh kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ❖

(1) V.I.Lênin: *Toàn tập*, Tập 45, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.422-423.

(3), (5) Cục Kinh tế Hợp tác và Phát triển Nông thôn - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: *Báo cáo hợp tác xã nông nghiệp*, tháng 6/2021.

(2) (4), (6), (7), (8), (11), (12) Ban Chấp hành Trung ương Đảng: Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới, Hà Nội, 2022.

(9), (22) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài cấp Nhà nước “Nghiên cứu đề xuất giải pháp thúc đẩy chuyển đổi hình thức tổ chức và phương thức hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp để thực hiện hiệu quả Luật Hợp tác xã 2012”, Hà Nội, 2017, tr. 204, 207.

(13) Chính phủ: Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã, Hà Nội, 2013.

(14), (21) Trần Thị Thái: *Kiến nghị chính sách nhằm thúc đẩy hợp tác xã nông nghiệp chuyển đổi theo Luật Hợp tác xã năm 2012*, Tạp chí Lý luận chính trị, năm 2017, số 11.

(10), (16), (17) (18), (23) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: Báo cáo tổng hợp Dự án cấp Nhà nước: *Xây dựng mô hình tổ chức hợp tác xã kiểu mới theo hướng phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025*; tr.66, 40, 52, 52, 33.

(15) Chính phủ: Nghị định 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2012.

(19) Quốc hội: Luật số 18/2003/QH11 ngày 26/11/2003 về Hợp tác xã, 2003.

(20) Quốc hội: Luật số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012 về Hợp tác xã, 2012.